

Số: /BC-PTDNTMA

Mường Ắng, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường PT DTNT THPT huyện Mường Ắng.

2. Địa chỉ: Bản Hón, Thị trấn Mường Ắng, huyện Mường Ắng, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 02153.856.901

Website: <https://ptdntthptmuongang.edu.vn/>

Email: vanphong.dntma@gmail.com

3. Loại hình: Chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại đơn vị huyện Mường Ắng.

4. Mục tiêu giáo dục:

Xây dựng và duy trì trường PTDTNT THPT huyện Mường Ắng trở thành Tập thể lao động xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng; coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản;

Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường là “Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”

5. Quá trình thành lập và phát triển:

*** Quá trình thành lập:**

Năm học 2009-2010, Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện Mường Ắng được thành lập theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 19/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Thầy giáo Phạm Quốc Cường được bổ nhiệm

làm Phó Hiệu trưởng phụ trách. Ngày đầu thành lập Trường có 21 cán bộ, giáo viên, nhân viên với gần 300 học sinh, trường tuyển sinh 1 lớp 9: 30 học sinh (theo phiếu xét tuyển); 2 lớp 10: 69 học sinh (theo hình thức thi tuyển). Cơ sở vật chất đặc biệt thiếu thốn, trường phải đi học, ăn, ở tại các trường tiểu học thị trấn, trường THCS và THPT Mường Ảng trong 2 năm học (2009-2010 và 2010-2011). Năm học 2011-2012, trường tiếp tục chuyển đến nhờ địa điểm của Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Mường Ảng.

Năm 2013 nhà trường tiếp nhận cơ sở mới hiện nay với 15 phòng học kiên cố, và các phòng chức năng, phòng học bộ môn. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình học tập và giảng dạy. Các phòng học bộ môn cũng được trang bị đầy đủ tiện nghi như phòng Sinh học, Hóa học, Vật lý, ... được trang bị đầy đủ máy vi tính, thiết bị phục vụ thực hành, nghiên cứu, ... để học sinh có những trải nghiệm thực tế với môn học. Trường có tổng diện tích là 17.900 m², tổng diện tích sân chơi, bãi tập là 6000 m² tọa lạc tại tổ dân phố Bản Hón, thị trấn Mường Ảng.

Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ CB-GV-NV và HS nhằm ổn định nền nếp, nâng cao chất lượng cùng với ý thức xây dựng “thương hiệu”, năm học 2014-2015, trường PT DTNT THPT huyện Mường Ảng được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Sau hơn 10 năm trường thành và phát triển, đến nay Trường có 44 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; 12 lớp với 420 học sinh. Chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo ngày càng tăng lên, thể hiện ở những thành tích nổi bật của trường trong 6 năm gần đây: 100% tốt nghiệp THPT, tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường Đại học, Cao đẳng trên 45%. Đặc biệt, nhiều năm liên tục được UBND tỉnh công nhận tập thể lao động xuất sắc, tặng Bằng khen, năm 2018 tập thể nhà trường được vinh dự được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen, năm 2025 tập thể nhà trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba. Ngoài công tác giảng dạy, lao động thì cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường cũng tích cực tham gia các phong trào thi đua và đạt được nhiều thành tích cao. Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm đặc biệt công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên, luôn duy trì các tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Nhà trường đóng chân trên địa bàn trung tâm huyện mới, cơ sở vật chất đang bước đầu được đầu tư, một số hạng mục công trình chưa được hoàn thiện, giao thông khó khăn ảnh hưởng không ít tới việc đi lại và các hoạt động khác của CB, GV, NV và học sinh;

Địa bàn dân cư phân tán rộng, đời sống nhân dân khó khăn. Cơ sở vật chất của nhà trường đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện ở một số hạng mục nên phần nào ảnh hưởng tới công tác dạy và học của nhà trường;

*** Thách thức bên trong:**

Đội ngũ CB, giáo viên trẻ nhiệt tình, sáng tạo, tuy nhiên kinh nghiệm còn hạn chế;

Nhận thức của một bộ phận học sinh, gia đình học sinh đối với giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, chưa quan tâm đến hướng nghiệp để có lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; nội dung, phương thức hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các nhà trường còn hạn chế.

*** Quá trình phát triển:**

Tổ chức giảng dạy và các hoạt động giáo dục theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện hiệu quả việc đổi mới PPGD và đổi mới KTĐG. Tiếp tục phát huy những kết quả tích cực đã đạt được của những năm qua nhà trường đề ra các phương hướng trọng tâm cho năm học mới, năm học được ngành giáo dục xác định chủ đề “Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo” với các biện pháp như: Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của năm học đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm học 2024-2025; đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng tăng quyền tự chủ, phát huy dân chủ; thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, xây dựng khối đoàn kết, tạo môi trường học tập lành mạnh, kỷ cương; bố trí, sắp xếp, sử dụng hợp lý, hiệu quả đội ngũ giáo viên; đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng CNTT trong dạy và học, tiếp tục triển khai học bạ số; tăng cường công tác kiểm tra nội bộ; chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo... Bên cạnh đó, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua do Trung ương, địa phương và ngành phát động.

Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng học sinh của thầy, cô kết hợp với nội dung cuộc vận động “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Bên cạnh đó, việc quản lý nề nếp trật tự kỷ luật học sinh còn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi đội ngũ GVCN, Giáo vụ và tổ chức ĐTN vốn là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục và có uy tín đối với học sinh và CMHS, uốn nắn và đưa vào nề nếp ngay từ khi vào trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên, với mục tiêu “**Đổi mới sáng tạo trong dạy học**”. Cùng với việc thực hiện “*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho viên chức nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: *Tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...* Bên cạnh đó công việc của từng thành viên

trong nhà trường đều được quy chế hóa bằng văn bản nhằm công khai để người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

Người đại diện pháp luật: Ông Cà Văn Minh - Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ: Bản Hón, Thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 02153.856.901

Email: vanphong.dtntma@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 19/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường.

Quyết định số 3284/QĐ-SGDĐT ngày 08/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc công nhận Hội đồng trường Trường PT DTNTTHPT huyện Mường Ảng nhiệm kỳ 2020-2025, các quyết định kiện toàn thành viên của hội đồng trường qua các năm học.

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi Chú
1	Cà Văn Minh	Bí thư chi bộ-Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Tiên Phong	Phó Hiệu trưởng	
3	Nguyễn Văn Đức	Phó Chủ tịch UBND Thị Trấn	
4	Lê Lan Phương	Thư ký HĐGD	
5	Nguyễn Xuân Cường	Chủ tịch công đoàn	
6	Đinh Thị Mai	Tổ trưởng tổ KHTN	
7	Phạm Quang Việt	Tổ trưởng tổ KHXH	
8	Phùng Thanh Hưng	Tổ trưởng tổ CMTH	
9	Nguyễn Thị Quyên	Tổ trưởng tổ văn phòng – phục vụ	
10	Lò Văn Chiến	Trưởng ban đại diện cha mẹ HS	
11	Cầm Quỳnh Chi	Học sinh	

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1369/QĐ-SGDĐT, ngày 19/9/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc bổ nhiệm ông Cà Văn Minh giữ chức vụ Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng.

Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng: Quyết định số 970/QĐ-SGDĐT, ngày 12/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc bổ nhiệm lại ông Cà Văn Minh giữ chức vụ Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 803/QĐ-SGDĐT, ngày 04/6/2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Tiên Phong giữ chức vụ Phó hiệu trưởng PTDTNT THPT huyện Mường Ảng.

Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 341/QĐ-SGDĐT, ngày 13/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Tiên Phong giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2212/QĐ-SGDĐT, ngày 23/6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc bổ nhiệm ông Hoàng Phi Hùng giữ chức vụ Phó hiệu trưởng PTDTNT THPT huyện Mường Ảng.

Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 288/QĐ-SGDĐT, ngày 04/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc bổ nhiệm lại ông Hoàng Phi Hùng giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy

- Cơ chế hoạt động của trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với nhân viên

sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường trọng điểm trên địa bàn huyện Mường Ảng.

Trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng là cơ sở giáo dục trung học phổ thông (THPT) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh Điện Biên.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, NV và HS tham gia các hoạt động XH.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản

lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 34 đảng viên.

9. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	Cà Văn Minh	Hiệu trưởng	0948979650	minhcv1978@gmail.com
2	Hoàng Phi Hùng	Phó hiệu trưởng	0978736617	hoangphihung@dienbien.edu.vn
3	Nguyễn Tiên Phong	Phó hiệu trưởng	0919055227	phongnt.gdtxma@dienbien.edu.vn

Bản Hón, Thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 02153.856.901

10. Các văn bản khác của nhà trường

Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025: Kế hoạch 364/ KH-PTDTNTMA, ngày 05/9/2024 của Trường PT DTNT THPT huyện Mường Ảng.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên trẻ, đảm bảo về trình độ chuyên môn để cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say xưa chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0
III	Nhân viên														
1	Cán sự Văn thư	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên Kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên Thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Tổng phụ trách đội (đoàn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Bảo vệ NĐ 161	2	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0
9	Phục vụ NĐ 161	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ; các phương tiện làm việc ở các phòng học bộ môn, thư viện và các phòng chức năng được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường lên kế hoạch sửa chữa bổ sung, nâng cấp kịp thời nếu xảy ra hư hỏng. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu vực học tập của học sinh và làm việc của giáo viên.

Trường có tường rào, biển trường, cổng trường (cổng 1, cổng 2). Khuôn viên nhà trường rộng, đẹp, nhiều cây xanh thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh vui chơi.

Thông tin cơ sở vật chất của trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng Năm học 2025-2026 cụ thể:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	/	/
1	Phòng học kiên cố	12	1,0
2	Phòng học bán kiên cố	0	0

3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	4	1,0
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	/	/
7	Bình quân lớp/phòng học	/	1
8	Bình quân học sinh/lớp	/	35
III	Số điểm trường	/	/
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	17.945,9	42,7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4270	10,2
VI	Tổng diện tích các phòng	/	/
1	Diện tích phòng học (m ²)	50,125	1,4
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	80	2,3
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	/	/
3	Diện tích thư viện (m ²)	200	0,5
4	Diện tích nhà tập đa năng	/	/
5	Diện tích phòng Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	50	0,12
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	7	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	0,08
1.2	Khối lớp 11	1	0,08
1.3	Khối lớp 12	1	0,08
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	4	
2.1	Khối lớp 10	1	0,08
2.2	Khối lớp 11	1	0,08

2.3	Khối lớp 12	2	0,16
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
1	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	35	1
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	0
2	Loa bluetooth	1	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	19	1
5	Thiết bị khác	/	/

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	1 (279,66 m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	40 (1200 m ²)	420	2,86

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,15
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 2254/QĐ-SGDĐT ngày 07/7/2020 và được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 13/7/2020.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2,3 Điều 7, khoản 2,3 Điều 9, khoản 2,3 Điều 11 của thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, đối sánh với số liệu năm trước liền kề

Thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”. Trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có

sự chuyên biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều tăng về số lượng và chất lượng.

Kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026: 05 lớp/160 học sinh.

Chất lượng giáo dục(sau kiểm tra lại) Năm học 2024-2025 cụ thể:

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số HS chia theo rèn luyện	419	101	159	159
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	387	95	141	151
		93.6%	94.06%	88.68%	94.97%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	30	6	16	08
		7.16%	5.94%	10.08%	5.03%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	02	00	02	00
		0.48%	0.00%	1.26%	0.00%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
II	Số học sinh chia theo học lập	419	101	159	159
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	34	7	8	19
		8.11%	6.93%	5.03%	11.95%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	310	79	117	114
		73.99%	78.22%	73.58%	71.70%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	75	15	34	26
		17.90%	14.85%	21.38%	16.35%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	419	101	159	159
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	419	101	159	159
		100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc	00	00	00	00

TT	Nội dung (tỷ lệ so với tổng số)	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	34	07	08	19
		8.11%	6.9%	5.03%	11.9%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	01	00	00	01
		0.002%	0.00%	0.00%	0.006%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	50	21	18	11
1	Cấp huyện	00	00	00	00
2	Cấp tỉnh/thành phố	50	21	18	11
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi TN	159	00	00	159
VI	Số học sinh được công nhận TN	159	00	00	159
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	62			62
		40%			40%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

a. Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Dự toán năm trước chuyển sang (1)	46.353.182	21.873.000
Dự toán giao (2)	9.449.690.000	7.460.576.000
Dự toán bổ sung (3)	1.293.820.000	1.720.431.264
Dự toán giảm (4)		13.393.736
Dự toán thu (1+2+3-4)	10.789.863.182	9.216.274.000
Dự toán chi		
1. Tiền lương	3.656.736.638	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	169.787.000	145.000.000
3. Phụ cấp lương	4.635.607.005	
4. Các khoản đóng góp	1.038.695.955	
5. Tiền thưởng	49.737.240	220.000.000
6. Phụ cấp làm thêm giờ	56.024.106	
7. Phúc lợi tập thể		
8. Chi thu nhập tăng thêm		
9. Thanh toán dịch vụ công cộng	63.493.520	78.830.374
10. Vật tư văn phòng	72.051.010	19.522.360

11. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	30.318.222	17.786.000
12. Công tác phí	191.180.140	
13. Chi phí thuê mượn	752.400	
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	142.807.215	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	345.558.120	619.797.045
16. Mua sắm tài sản vô hình	121.500.000	30.000.000
17. Chi khác		
18. Chi đảm bảo xã hội		
19. Hỗ trợ chi phí học tập		
20. Trợ cấp Tết Nguyên Đán		
DỰ TOÁN CÒN LẠI		
CHUYỂN SANG NĂM 2025	80.912.551	
KINH PHÍ HỦY	3.000.000	13.573.736

b. Nguồn dịch vụ:

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Giấy thi, giấy nháp	Dọn nhà vệ sinh học sinh	Dạy ôn thi lớp 10	Cho thuê căn tin, nhà giữ xe
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ	0	0	0	0	0
2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ	0	0	0	0	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Miễn giảm học phí	419	64.550.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	0	
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ năm học	0	
3	Giấy thi, giấy nháp	đồng/học sinh/ năm học	0	
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	0	
5	Dạy ôn thi lớp 10	đồng/học sinh/tiết	0	
II	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	0	
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ năm học	0	
3	Giấy thi, giấy nháp	đồng/học sinh/ năm học	0	
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	0	
5	Dạy ôn thi lớp 10	đồng/HS/tiết	0	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

Đvt: triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	0	

III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng agribank	Đồng	46.027.638	Tiền CS SKBĐ
IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng		

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
1	2	3	4
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	<i>12.518.562.551</i>	<i>5.698.059.639</i>
	Tiền lương		2.085.712.200
	Lương hợp đồng theo chế độ		100.127.967
	Phụ cấp lương		2.629.172.520
	Các khoản đóng góp		609.967.745
	Tiền thưởng		
	Phúc lợi tập thể		
	Phụ cấp làm thêm giờ		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		81169664
	Vật tư văn phòng		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		12257393
	Công tác phí		45.558.880
	Chi phí thuê mướn		
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		29.427.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		92.425.950
	Chi khác		12.240.320
2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>10.889.350.000</i>	<i>4.285.738.433</i>

	Phụ cấp làm thêm giờ		
	Lương hợp đồng theo chế độ		42.750.033
	Tiền thưởng		20.400.000
	Bảo hiểm y tế		
	Mua sắm tài sản vô hình		
	Chi khác		3.100.400
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		
	Học bổng học sinh		4.219.488.000
	Chi trợ cấp Tết Nguyên Đán		

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (QLCL);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG**Cà Văn Minh**